

Bản án số: 158/2024/DS-PT

Ngày 23 tháng 7 năm /2024

V/v: « Tranh chấp kiện đòi tài sản »

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Ngô Thị Thanh Hào

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang; bà Triệu Thị Luyện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Ngô Thị Vân Anh -

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp kiện đòi tài sản

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 134/2024/QĐPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Phùng Đức Q, sinh năm 1991, địa chỉ: Căn hộ A chung cư S, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt).

* Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thúy A, sinh năm 1988, địa chỉ: Căn hộ A chung cư S, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở hiện nay: Số F, ngõ A, Đê C, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2023, bản tự khai, quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Anh Phùng Đức Q trình bày: Tháng 5/2022 anh nhận chuyển nhượng thửa đất số 251, tờ bản đồ 98, địa chỉ thửa đất tại: Phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang của ông Lê Hùng C và bà Nguyễn Thị H ở phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Hai bên đã thanh toán và bàn giao đất xong. Sau đó do không có nhu cầu sử dụng nên anh thông qua môi giới bán thửa đất trên cho anh Trần Văn T, với giá thỏa thuận 1.550.000.000 đồng. Anh T đã chuyển cho anh tổng số tiền 1.050.000.000 đồng. Số tiền còn lại sẽ thanh toán nốt khi lập hợp đồng chuyển nhượng. Sau nhiều lần hẹn gặp để làm hợp đồng chuyển nhượng thì đến ngày 02/3/2023 anh và anh T có viết giấy thỏa thuận, nội dung: Anh T nợ anh số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền mua thửa đất trên còn thiếu, anh T có hẹn đến tháng 6/2023 thanh toán đủ trả anh, nhưng từ đó đến nay anh T không trả anh tiền. Anh yêu cầu anh T trả tiền nhiều lần nhưng anh T

không trả. Nay anh yêu cầu **Trần Văn T** phải thanh toán trả vợ chồng anh số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm, năm mươi triệu đồng).

+ **Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trần Văn T trình bày:** Ngày 22/5/2022 thông qua chị **Nguyễn Thị Huyền T1** là nhân viên tại Công ty do anh **Phùng Đức Q** làm giám đốc, anh có nhận chuyển nhượng thửa đất số 251, tờ bản đồ 98, địa chỉ thửa đất tại: **Phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang**, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Lê Hùng C** và bà **Nguyễn Thị H**. Trước khi lập hợp đồng chuyển nhượng đất hai bên có 3 lần lập hợp đồng đặt cọc. Lần thứ nhất vào ngày 22/5/2022 đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng, hạn đến ngày 10/6/2022 lập hợp đồng chuyển nhượng và thanh toán tiền, nhưng do thửa đất chuyển nhượng đang có tranh chấp với thửa đất liền kề cần giãn thời gian cho bên bán nên ngày 20/6/2022 nên hai bên lập hợp đồng đặt cọc lần 2, đặt cọc số tiền 800.000.000 đồng hạn đến 05/7/2022 thì lập hợp đồng chuyển nhượng, nhưng do đất vẫn đang có tranh chấp nên ngày 11/7/2022 hai bên lại lập hợp đồng đặt cọc lần 3, tổng số tiền đặt cọc là 1.050.000.000 đồng, hạn đến ngày 22/8/2022 thì lập hợp đồng chuyển nhượng. Đến thời hạn chuyển nhượng nhưng vì đất vẫn đang có tranh chấp nên hai bên không lập hợp đồng chuyển nhượng được. Sau đó hai bên còn hẹn nhau rất nhiều lần nhưng bên bán không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lập hợp đồng chuyển nhượng, anh đề nghị bên bán trả lại anh tiền nhưng bên bán không trả. Tháng 3/2023 anh lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên với ông **Lê Hùng C** và bà **Nguyễn Thị H**, khi đó anh **Phùng Đức Q** và chị **Nguyễn Thị Huyền T1** cũng có mặt. Trừ đi số tiền anh đã đặt cọc trước 1.050.000.000 đồng, số tiền còn lại anh viết giấy thỏa thuận ghi ngày 02/3/2023, nội dung: Anh nợ anh **Phùng Đức Q** số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) là tiền mua thửa đất trên còn thiếu, anh có hạn đến tháng 6/2023 anh thanh toán đủ trả anh **Q**, nhưng do hiện nay anh đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên anh chưa có tiền để thanh toán trả anh **Q**. Anh đề nghị anh **Q** cho anh được trả dần.

+ **Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thúy A trình bày:** thống nhất với anh **Phùng Đức Q** (là chồng), không bổ sung thêm nội dung gì.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã quyết định:

1. Căn cứ các Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 228, 238, Điều 271, 272 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 166, 280 của BLDS; Điều 24, 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Buộc ông **Trần Văn T** phải thanh toán trả anh **Phùng Đức Q** và chị **Nguyễn Thúy A** số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Ông **Trần Văn T** phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh **Phùng Đức Q** số tiền 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000186 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 22/4/2024, ông **Trần Văn T** kháng cáo, đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, theo hướng cho ông được trả dần anh **Q** do điều kiện kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông **Trần Văn T** trình bày: Ông giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử, sửa bản án sơ thẩm cho ông được trả dần vì điều kiện làm ăn khó khăn không có khả năng trả nợ. Mỗi tháng ông trả cho anh **Q** 5.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thúy A** trình bày: không nhất trí với kháng cáo của ông **T**, không đồng ý theo phương án trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông **Trần Văn T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Trần Văn T** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai. Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông **Trần Văn T** thì thấy: Ông **Trần Văn T** kháng cáo, đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, theo hướng cho ông được trả dần số tiền ông còn nợ anh **Q** do điều kiện kinh tế khó khăn thì thấy: Theo như giấy thoả thuận viết ngày 02/3/2023, ông **T** có cam kết như sau: “...tôi nợ lại anh **Q** số tiền 150.000.000 đồng.....tôi cam kết đến ngày 02/6/2023 tôi sẽ thanh toán hết số tiền trên ...”.

Tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thoả thuận”

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông T đều xin vắng mặt tại các buổi hoà giải, tại phiên toà phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không nhất trí với kháng cáo của ông T và không nhất trí phương án trả dần của ông T đưa ra là mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bắc Giang.

[3]. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì vậy ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông **Trần Văn T**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 228, 238, Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 280 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc ông **Trần Văn T** phải thanh toán trả anh **Phùng Đức Q** và chị **Nguyễn Thúy A** số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí sơ thẩm:

- Ông **Trần Văn T** phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại anh **Phùng Đức Q** số tiền 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000186 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

4. Án phí phúc thẩm: Ông **Trần Văn T** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001734 ngày 25/4/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

5. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- Cục THA tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thanh Hảo